TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NINH BÌNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM- ST
Ngày: 21-6-2019
V/v: Thanh toán tiền thang máy.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tú
2. Bà Nguyễn Thị Thinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST- KDTM ngày 21/3/2019 về "Tranh chấp hợp đồng cung cấp lắp đặt thang máy" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX-ST ngày 24/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn Thang máy TB**; Địa chỉ: Lô B đường D, khu công nghiệp TBCC, xã TAH, huyện CC, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn Anh – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Trang N – Trưởng phòng hành chính kế toán, văn phòng Hà Nội; Địa chỉ: Số A khu dự án ĐQ, phường QH, quận CG, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền số 06/2019/UQ/TB-HCNS ngày 05/3/2019)

2. Bị đơn: **Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL**; Địa chỉ: Lô C, khu công nghiệp KP, xã NP, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Việt T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành L – Chuyên viên pháp chế; Địa chỉ: Số MHĐD, phường QT, quận ĐĐ, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền số 09/2019/UQ-XNK ngày 06/5/2019)

(Tại phiên tòa có mặt bà Nhung, ông Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/3/2019, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ xuất trình, nguyên đơn - Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Thang máy TB trình bày:

Ngày 29/11/2016, Công ty TNHH Thang máy TB và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL ký hợp đồng kinh tế số DB141.16/HĐKT về việc cung cấp lắp đặt hoàn chỉnh 01 thang máy tải khách hiệu PACIFIC (SP800), tải trọng 800kg, tốc độ 60m/p, 03 điểm dừng/03 tầng có giá trị 390.500.000 đồng.

Phương thức thanh toán 03 lần:

Lần 1: Thanh toán 30% giá trị hợp đồng ngay sau khi ký hợp đồng, tương đương 117.150.000 đồng.

Lần 2: Thanh toán 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi vận chuyển thiết bị đến chân công trình, tương đương 195.250.000 đồng.

Lần 3: Thanh toán 20% giá trị hợp đồng, tương đương 78.100.000 đồng.

Ngày 21/12/2016, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL đã thanh toán tiền thang máy lần 1 cho Công ty TNHH Thang máy TB số tiền 117.150.000 đồng.

Ngày 22/3/2017, Công ty TNHH Thang máy TB đã chuyển toàn bộ thiết bị Thang máy đến chân công trình để tiến hành lắp đặt thang máy (có giấy xác nhận chuyển thiết bị đến công trình).

Sau khi chuyển thiết bị đến chân công trình, Công ty TNHH Thang máy TB tiến hành lắp đặt thang máy (đến nay chưa lắp đặt xong), đồng thời liên hệ yêu cầu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL thanh toán tiền thang máy lần 2 theo hợp đồng kinh tế đã ký kết để Công ty TNHH Thang máy TB tiếp tục triển khai phần việc tiếp theo. Tuy nhiên, sau nhiều lần gửi công văn yêu cầu thanh toán nhưng không nhận được khoản tiền thanh toán đến hạn và cũng không có công văn phản hồi. Công ty TNHH Thang máy TB đã tạo điều kiện cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL có nhiều thời gian để thanh toán nợ nhưng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL không có thiện chí trong việc giải quyết công nợ. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty TNHH Thang máy TB đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình giải quyết buộc

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế đúng theo các điều khoản đã ký kết, phải thanh toán ngay số tiền thang máy đợt 2 là 195.250.000 đồng; Thanh toán tiền lãi suất quá hạn tính từ ngày 23/3/2017 đến hết ngày 23/5/2019 theo lãi suất chậm trả của ngân hàng là 195.250.000 đồng x 1,125%/tháng x 26 tháng = 57.110.625 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 24/5/2019 cho đến khi trả hết số tiền 195.250.000 đồng theo mức lãi suất 1,125%/tháng cho Công ty TNHH Thang máy TB.

Đại diện cho bị đơn - Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL trình bày:

Ngày 29/11/2016, Công ty TNHH Thang máy TB và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL có ký hợp đồng kinh tế số DB141.16/HĐKT về việc cung cấp lắp đặt hoàn chỉnh 01 thang máy tải khách hiệu PACIFIC (SP800), tải trọng 800kg, tốc độ 60m/p, 03 điểm dừng/03 tầng đúng như đại diện nguyên đơn trình bày. Sau khi ký kết hợp đồng, ngày 21/12/2016, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL đã thanh toán tiền lần 1 cho Công ty TNHH Thang máy TB 30% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận với số tiền 117.150.000 đồng. Ngày 22/3/2017, Công ty TNHH Thang máy TB đã chuyển toàn bộ thiết bị Thang máy đến chân công trình và tiến hành lắp đặt thang máy, theo thỏa thuận thì khi Công ty TNHH Thang máy TB đã chuyển toàn bộ thiết bị Thang máy đến chân công trình thì Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL phải thanh toán tiền thang máy lần 2 cho Công ty TNHH Thang máy TB 50% giá trị hợp đồng số tiền 195.250.000 đồng nhưng do thời điểm đó Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL có khó khăn về tài chính nên chưa thanh toán dứt điểm công nợ cho Công ty TNHH Thang máy TB. Nay, Công ty TNHH Thang máy TB khởi kiện Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL ra tòa đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế đúng theo các điều khoản đã ký kết, phải thanh toán ngay số tiền thang máy đợt 2 là 195.250.000 đồng; Thanh toán tiền lãi suất quá hạn tính từ ngày 23/3/2017 đến hết ngày 23/5/2019 theo lãi suất chậm trả của ngân hàng là 195.250.000 đồng x 1,125%/tháng x 26 tháng = 57.110.625 đồng và lãi suất phát sinh kể từ ngày 24/5/2019 cho đến khi trả hết số tiền 195.250.000 đồng theo mức lãi suất 1,125%/tháng cho Công ty TNHH Thang máy TB.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL xác nhận Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL đã vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán tiền thang máy đợt 2 cho Công ty TNHH Thang máy TB số tiền là 195.250.000 đồng, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Thang máy TB số tiền là 195.250.000 đồng sau 3 tháng kể từ ngày xét xử. Về yêu cầu trả lãi của Công ty TNHH Thang máy TB là đúng theo cam kết giữa hai công ty trong hợp đồng. Tuy nhiên, hiện nay Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL đang gặp khó khăn về tài chính nên đề nghị Công ty TNHH Thang

máy TB rút yêu cầu về việc trả lãi đối với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL, trường hợp Công ty TNHH Thang máy TB không đồng ý thì Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL chấp nhận trả lãi cho Công ty TNHH Thang máy TB với mức lãi suất mà Công ty TNHH Thang máy TB đưa ra.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất được với nhau về số tiền nợ gốc và tiền lãi nhưng không thống nhất được với nhau về phương thức thanh toán nên đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về thanh toán tiền thang máy giữa các chủ thể có đăng ký kinh doanh với nhau và đều nhằm mục đích lợi nhuận; Bị đơn có trụ sở tại thành phố Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền thang máy lần 2 số tiền là 195.250.000 đồng thì thấy: Việc ký kết hợp đồng số DB141.16/HĐKT về việc cung cấp lắp đặt hoàn chỉnh 01 thang máy tải khách hiệu PACIFIC giữa Công ty TNHH Thang máy TB và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng đúng quy định của pháp luật; Đại diện nguyên đơn, bị đơn xác nhận sau khi ký kết hợp đồng ngày 21/12/2016, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL đã thanh toán tiền thang máy lần 1 số tiền 117.150.000 đồng cho Công ty TNHH Thang máy TB. Ngày 22/3/2017, Công ty TNHH Thang máy TB đã chuyển toàn bộ thiết bị Thang máy đến chân công trình và đã tiến hành lắp đặt thang máy nhưng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL chưa thanh toán tiền thang máy lần 2 theo hợp đồng kinh tế đã ký kết cho Công ty TNHH Thang máy TB số tiền 195.250.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền thang máy lần 2 là 195.250.000 đồng, phía bị đơn xác nhận có vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán tiền thang máy lần 2 cho nguyên đơn số tiền là 195.250.000 đồng, bị đơn sẽ có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền thang máy lần 2 là 195.250.000 đồng sau 3 tháng kể từ ngày xét xử. Như vậy, có thể khẳng định bị đơn đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán tiền thang máy lần 2 cho nguyên đơn theo thỏa thuận

tại Hợp đồng số DB141.16/HĐKT ngày 29/11/2016 và theo quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 50 Luật thương mại năm 2005. Do đó, Công ty TNHH Thang máy TB yêu cầu Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL phải thanh toán số tiền thang máy lần 2 số tiền 195.250.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lãi suất từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả hết nợ: Ngày 22/3/2017, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ thiết bị Thang máy đến chân công trình (có giấy xác nhận chuyển thiết bị đến công trình), theo thỏa thuận khi nguyên đơn đã chuyển toàn bộ thiết bị Thang máy đến chân công trình bị đơn phải thanh toán 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi vận chuyển thiết bị đến chân công trình, nhưng đến nay bị đơn chưa thanh toán tiền cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán căn cứ theo điều 7 Hợp đồng số DB141.16/HĐKT ngày 29/11/2016 quy định về phương thức thanh toán nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi là đúng với quy định của Điều 306 luật thương mại.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được số tiền thang máy lần 2 bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 195.250.000 đồng, lãi suất chậm trả là 1,125%/tháng, thời gian tính lãi chậm thanh toán từ ngày 23/3/2017 đến ngày 23/5/2019 là 57.110.625 đồng và mức lãi suất chậm trả phát sinh từ ngày 24/5/2019 cho đến khi trả hết số tiền phải thanh toán là 1,125%/tháng. Bị đơn xin được thanh toán cho nguyên đơn tiền thang máy lần 2 sau 3 tháng kể từ ngày xét xử và đề nghị nguyên đơn rút yêu cầu về việc trả lãi đối với bị đơn nhưng nguyên đơn không chấp nhận đề nghị của bị đơn và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả ngay toàn bộ số tiền còn nợ và tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thang máy TB được chấp nhận toàn bộ nên Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán là 252.360.625 đồng x 5% = 12.618.031 đồng.

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH Thang máy TB.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thang máy TB đối với Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL.

Buộc Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Thang máy TB số tiền thang máy đợt 2 là 195.250.000đ (Một trăm chín mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); Số tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 23/3/2017 đến ngày 23/5/2019 với mức lãi suất 1,125 %/tháng số tiền là 57.110.625 đ (Năm mươi bảy triệu một trăm mười nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), tổng cộng là 252.360.625 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 24/5/2019 cho đến khi trả hết số tiền 195.250.000 đồng với mức lãi suất 1,125%/tháng.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu PL phải nộp 12.618.031đ (Mười hai triệu sáu trăm mười tám nghìn không trăm ba mốt đồng).

- Hoàn lại cho Công ty TNHH Thang máy TB số tiền tạm ứng án phí là 6.144.000 đ (Sáu triệu một trăm bốn mươi bốn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000806 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/6/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tú **Nguyễn Thị Thinh** **Vũ Thị Hiền**